TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 690/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Huỳnh Thị Huế.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 2078 Nhà trọ Thảo Lê, đường 16A, khu dân cư T, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên lạc: Số 267E Nguyễn Thị Nê, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Huy H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn Củ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 38 Phạm Hữu Tâm, tổ 5, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 07/3/2019, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày sự việc như sau:

Bà (Lê Thị Thu T) và ông Bùi Huy H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà ở riêng tại thị trấn Củ Chi, có nhà riêng.

Quá trình sống chung, mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Năm 2010, chồng bà đi tù 01 năm, một mình bà ở nhà vừa buôn bán, vừa nuôi con và lo cho chồng. Đến khi ra tù, chồng bà lại tiếp tục gây nợ nần và có người phụ nữ khác bên ngoài nên bà đã ly thân chồng từ năm 2012 cho đến nay. Vợ chồng sống xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung, tên là Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 10/10/2006, con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Huy H không có mặt nên không có lời khai của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt nguyên đơn bà Lê Thị Thu T nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt bà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Bùi Huy H mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Bùi Huy H, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Lê Thị Thu T và ông Bùi Huy H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 25/11/2005, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà T trình bày thì từ năm 2010, ông H phải chấp hành án tù 01 năm, một mình bà ở nhà vừa buôn bán, vừa nuôi con và lo cho chồng. Đến khi ra tù, ông H lại tiếp tục gây nợ nần và có người phụ nữ khác nên bà đã ly thân chồng từ năm 2012 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn vì sống xa nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông H.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện ông H không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông H không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà T là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà T và ông H có 01 con chung, tên là Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 10/10/2006, con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do trẻ T đang sống chung với bà T, trẻ T cũng có nguyện vọng được sống với bà T nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao trẻ T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*:

Bà T khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Bà T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu T được quyền ly hôn với ông Bùi Huy H.

- Về con chung:

Bà T và ông H có 01 con chung, tên là Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 10/10/2006, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Bà T khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà T khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015883 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Lê Thị Thu T, ông Bùi Huy H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND thị trấn Củ Chi, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương